

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÃ KBANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 89 /TTr-UBND

Kbang, ngày 11 tháng 10 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**V/v phê duyệt tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Kbang.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về quy định phân cấp thẩm quyền chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;*

*Căn Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;*

*UBND xã Kbang lập Tờ trình đề nghị HĐND xã xem xét phê duyệt tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã, với những nội dung như sau:*

1. Tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã Kbang (Kèm theo phụ lục 1).

2. Tiếp nhận, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn xã Kbang (Kèm theo phụ lục 2).

Trên đây là nội dung tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã Khóa I - Kỳ họp thứ Tư xem xét, cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

Phụ lục 01  
**ĐIỀU CHỈNH, TIẾP NHẬN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2021-2025**  
(Kèm theo tờ trình số 39 /TT-UBND, ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khang)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: triệu đồng

| TT  | Đanh mục dự án  | Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm     | Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư |                |                 |                |                 |              |                       |                      |                |                 | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025 |              |  |  |  | Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh                | Chị chủ |
|-----|---|--------------------------------|---|----------------|-----------------|----------------|-----------------|--------------|-----------------------|----------------------|----------------|-----------------|--|--------------|--|--|--|---|---------|
|     |   |                                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  |                |                 | Trong đó       |                 |              | Tổng mức đầu tư dự án |                      |                |                 | Trong đó   |              |  |  |  |   |         |
|     |   |                                | Ngân sách trung ương                            | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Ngân sách xã | Vốn huy động          | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Ngân sách xã                                       | Vốn huy động |  |  |  |   |         |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>  |                                | 320.125,82                                      | 154.557,00     | 140.000,00      |                |                 | 2.634,82     | 216.552,00            | 158.177,00           | 58.375,00      |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| 1   | Bổ sung các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã nguồn ngân sách trung ương và tỉnh           |                                | 288.400,00                                      | 135.000,00     | 135.000,00      |                |                 |              | 189.000,00            | 135.000,00           | 54.000,00      |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| 1   | Trung tâm y tế huyện Khang  | 1102/QĐ-UBND ngày 15/12/2023   | 110.000,00                                      |                | 100.000,00      | 10.000,00      |                 |              | 39.000,00             |                      | 39.000,00      |                 |  |              |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang |         |
| 2   | Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai   | 398/NQ-HĐND, ngày 17/6/2025    | 135.000,00                                      | 135.000,00     |                 |                |                 |              | 135.000,00            | 135.000,00           |                |                 |  |              |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang |         |
| 3   | Đường giao thông quy hoạch Tây sông Bô, huyện Khang, tỉnh Gia Lai                             | 395/NQ-HĐND, ngày 17/6/2025    | 43.400,00                                       |                | 35.000,00       |                |                 |              | 15.000,00             | 15.000,00            |                |                 |  |              |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang |         |
| II  | <b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>   |                                | 31.725,82                                       | 19.557,00      | 5.000,00        |                |                 | 2.634,82     | 27.552,00             | 23.177,00            | 4.375,00       |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| I   | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi      |                                | 4.534,00  |                |                 |                |                 |              | 4.120,00              | 3.620,00             | 500,00         |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| 1.1 | Đanh mục dự án hỗ trợ   |                                | 2.494,00  |                |                 |                |                 |              | 2.310,00              | 1.810,00             | 500,00         |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| a)  | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, phát triển nông nghiệp       |                                | 454,00  |                |                 |                |                 |              | 500,00                |                      |                |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| 1   | Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo xã Lo Ku, xã Đak Smar   | Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025   | 278,00  |                |                 |                |                 |              | 324,00                |                      |                |                 |  |              |  |  |  | UBND huyện Khang                                |         |
| 2   | Hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo xã Lo Ku  | Số 76/QĐ-UBND ngày 31/3/2025   | 176,00  |                |                 |                |                 |              | 176,00                |                      |                |                 |  |              |  |  |  | UBND huyện Khang                                |         |
| b   | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBĐTTS & MN    |                                | 2.040,00  |                |                 |                |                 |              | 1.810,00              | 1.810,00             |                |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| 1   | Công trình: Đường từ đập tràn ra khu sản xuất làng Bôn (đoạn đập tràn đến đập ông Bô)         | Số 74/QĐ-UBND ngày 27/3/2025   | 1.050,00  |                |                 |                |                 |              | 1.050,00              | 1.050,00             |                |                 |  |              |  |  |  | UBND huyện Khang                                |         |
| 2   | Đường từ trung tâm xã Sơ P'ai đi xã Đak Smar  | 169/QĐ-UBND ngày 28/12/2023    | 990,00  |                |                 |                |                 |              | 760,00                | 760,00               |                |                 |  |              |  |  |  | UBND huyện Khang                                |         |
| 1.2 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới  |                                | 27.191,82                                       | 19.557,00      | 5.000,00        |                |                 | 2.634,82     | 23.432,00             | 19.557,00            | 3.875,00       |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| a)  | Đanh mục, dự án điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 |                                |   |                |                 |                |                 |              |                       |                      |                |                 |  |              |  |  |  |   |         |
| 1   | Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Khang  | Số 167/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 | 25.000,00                                       | 17.500,00      | 5.000,00        |                |                 | 2.500,00     | 21.375,00             | 17.500,00            | 3.875,00       |                 |  |              |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang |         |
| b   | Đanh mục dự án hỗ trợ   |                                | 2.191,82  | 2.057,00       |                 |                |                 | 134,82       | 2.191,82              | 2.057,00             |                |                 |  |              |  |  |  |   |         |

*Handwritten signature*

|   |  |  |          |          |  |  |  |  |        |          |          |  |  |  |  |  |        |                  |               |
|---|--|--|----------|----------|--|--|--|--|--------|----------|----------|--|--|--|--|--|--------|------------------|---------------|
| 1 | Thủy lợi Lơ Vi                             | Số 80/QĐ/UBND<br>ngày 9/4/2025             | 590,72   | 568,00   |  |  |  |  | 22,72  | 590,72   | 568,00   |  |  |  |  |  | 22,72  | UBND huyện Kbang | UBND xã Kbang |
| 2 | Đường ra Khu sản xuất Thôn 1<br>(Làng Cam) | Quyết định<br>22/QĐ-UBND<br>ngày 11/3/2025 | 1.601,10 | 1.489,00 |  |  |  |  | 112,10 | 1.601,10 | 1.489,00 |  |  |  |  |  | 112,10 | UBND huyện Kbang | UBND xã Kbang |

*Handwritten signature*

PHỤ LỤC 2

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo tờ trình số 89 /TTT-UBND, ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kbang)

| TT | Danh mục dự án   | Quyết định đầu tư hoặc dự toán           |                               |                                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                                |  |  | Đầu mối giao kế hoạch | Ghi chú |
|----|--|--|-------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--|--|-----------------------|---------|
|    |  | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán |                                | VTổng các nguồn vốn                                | Vốn ngân sách trung ương, tỉnh | Vốn ngân sách cấp xã, vốn huy động hợp pháp khác | Vốn ngân sách cấp xã, vốn huy động hợp pháp khác |                       |         |
|    |  |  | Tổng các nguồn vốn            | Vốn ngân sách trung ương, tỉnh |  |                                |  |  |                       |         |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>   |  | 7.050,00                      | 6.151,00                       | 899,00   | 7.050,00                       | 6.151,00   | 899,00   |                       |         |
|    | Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐTTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)   |  | 7.050,00                      | 6.151,00                       | 899,00   | 7.050,00                       | 6.151,00   | 899,00   |                       |         |
|    | <i>Tiêu chí: Giao thông</i>  |  |                               |                                |  |                                |  |  |                       |         |
| 1  | Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất bà viên đến K SX làng Lợk)  |  | 1.150,0                       | 995,00                         | 155  | 1.150,0                        | 995,00   | 155  |                       |         |
| 2  | Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất ông Đình Giáp đến đất toàn chung và đoạn 2 đầu BTXM)  |  | 900,0                         | 776,00                         | 124  | 900,0                          | 776,00   | 124  |                       |         |
| 3  | Đường nội đồng Thôn 14 (đoạn đất ông Trường đến đất thàng Dung)  |  | 1.800,0                       | 1.580,00                       | 220  | 1.800,0                        | 1.580,00   | 220  | UBND xã Kbang         |         |
| 4  | Đường đt Khu sản xuất Đám Đak Y Nao (đoạn 1: đất ông Lịch đến đất ông Nam Dăng; đoạn 2: đất ông Trung Anh đến đất Hoà Chiên; Đoạn 3: đất ông Sơn đến đất ông Minh; đoạn 4: đất ông Minh Đào đến đất Huy Ý; đoạn 5: đất ông Hải Trang đến suối) |  | 3.200                         | 2.800,00                       | 400  | 3.200                          | 2.800,00   | 400  |                       |         |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ KBANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Kbang, ngày tháng 10 năm 2025

DỰ THẢO

## NGHỊ QUYẾT

Về việc tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn  
Giai đoạn 2021-2025 xã Kbang (lần 2)

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG KHÓA I KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kbang về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 xã Kbang.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã, với những nội dung sau:

1. Tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Kbang.

(Kèm theo phụ lục 1)

2. Tiếp nhận, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn xã Kbang.

(Kèm theo phụ lục 2)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kbang Khóa I Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày .....tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Ban Xây dựng Đảng ủy xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các Văn phòng: Đảng ủy, HĐND&UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trường các thôn, làng;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Dũng**

Phụ lục 01  
**ĐIỀU CHỈNH, TIẾP NHẬN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 18/QĐ-HĐND, ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khang)

| TT  | Danh mục dự án   | Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm     | Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư |                |                       |              |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |              |                |                 | Đầu mối giao kế hoạch điều chỉnh | Chỉ chủ |   |               |
|-----|--|--------------------------------|---|----------------|-----------------------|--------------|----------------|--|--------------|--------------|----------------|-----------------|----------------------------------|---------|---|---------------|
|     |  |                                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  |                | Tổng mức đầu tư dự án |              |                | Trong đó   |              |              | Trong đó       |                 |                                  |         |   |               |
|     |  |                                | Ngân sách trung ương                            | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện       | Vốn huy động | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện                                    | Ngân sách xã | Vốn huy động | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện |                                  |         | Ngân sách xã                                    | Vốn huy động  |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>   |                                | 320.125,82                                      | 154.357,00     | 140.000,00            | -            | 2.634,82       | 216.552,00   | 158.177,00   | 58.375,00    | -              | -               | -                                | -       | -   | -             |
| 1   | Bổ sung các dự án do chuyển từ BQL Khu vực về xã nguồn ngân sách trung ương và tỉnh          |                                | 288.400,00                                      | 135.000,00     | 135.000,00            |              |                | 189.000,00   | 135.000,00   | 54.000,00    |                |                 |                                  |         |   |               |
| 1   | Trung tâm y tế huyện Khang   | 1102/QĐ-UBND ngày 15/12/2023   | 110.000,00                                      |                | 100.000,00            |              |                | 39.000,00  | 39.000,00    |              |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang | UBND xã Khang |
| 2   | Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai  | 398/NQ-HĐND, ngày 17/6/2025    | 135.000,00                                      | 135.000,00     |                       |              |                | 135.000,00   | 135.000,00   |              |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang | UBND xã Khang |
| 3   | Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Khang, tỉnh Gia Lai                            | 393/NQ-HĐND, ngày 17/6/2025    | 43.400,00                                       | 35.000,00      |                       |              |                | 15.000,00  | 15.000,00    |              |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khang | UBND xã Khang |
| II  | <b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>  |                                | 31.725,82                                       | 19.557,00      | 5.000,00              | -            | 2.634,82       | 27.552,00  | 23.177,00    | 4.375,00     |                |                 |                                  |         |   |               |
| I   | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi     |                                | 4.534,00  | -              | -                     | -            | -              | 4.120,00   | 3.620,00     | 500,00       |                |                 |                                  |         |   |               |
| I.1 | Danh mục dự án bổ sung   |                                | 2.494,00  |                |                       |              |                | 2.310,00   | 1.810,00     | 500,00       |                |                 |                                  |         |   |               |
| a)  | Dự án 1: Giải quyết tình trạng đói nghèo ở nhà ở, đầu tư xây dựng, nước sạch, điện           |                                | 454,00  |                |                       |              |                | 500,00   | -            | 500,00       |                |                 |                                  |         |   |               |
| 1   | Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo xã Lo Kù, xã Đak Smar  | Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025   | 278,00  |                |                       |              |                | 324,00   |              | 324,00       |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Khang   | UBND xã Khang |
| 2   | Hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo xã Lo Kù   | Số 76/QĐ-UBND ngày 31/3/2025   | 176,00  |                |                       |              |                | 176,00   |              | 176,00       |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Khang   | UBND xã Khang |
| b   | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐHTTS & MN    |                                | 2.040,00  |                |                       |              |                | 1.810,00   | 1.810,00     |              |                |                 |                                  |         |   |               |
| 1   | Công trình: Đường từ đập tràn ra khu san xuất làng Bôn (đoạn đập tràn đến đập Ông Bô)        | Số 74/QĐ-UBND ngày 27/3/2025   | 1.050,00  |                |                       |              |                | 1.050,00   | 1.050,00     |              |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Khang   | UBND xã Khang |
| 2   | Đường từ trung tâm xã Sơ Pát đi xã Đak Smar  | 169/QĐ-UBND ngày 28/12/2023    | 990,00  |                |                       |              |                | 760,00   | 760,00       |              |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Khang   | UBND xã Khang |
| 1.2 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới   |                                | 27.191,82                                       | 19.557,00      | 5.000,00              | -            | 2.634,82       | 23.432,00  | 19.557,00    | 3.875,00     |                |                 |                                  |         |   |               |
| a)  | Danh mục dự án điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 |                                |   |                |                       |              |                |  |              |              |                |                 |                                  |         |   |               |
| 1   | Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Khang   | Số 167/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 | 25.000,00                                       | 17.500,00      | 5.000,00              |              | 2.500,00       | 21.375,00  | 17.500,00    | 3.875,00     |                |                 |                                  |         | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Khang   | UBND xã Khang |
| b   | Danh mục dự án bổ sung   |                                | 2.191,82  | 2.057,00       | -                     | -            | 134,82         | 2.191,82   | 2.057,00     | -            |                |                 |                                  |         |   |               |

*(Handwritten signature)*

|   |  |  |          |          |  |  |  |  |  |        |          |          |  |  |  |  |  |        |                  |               |
|---|--|--|----------|----------|--|--|--|--|--|--------|----------|----------|--|--|--|--|--|--------|------------------|---------------|
| 1 | Thủy Lợi Lộ Vi                             | Số 80/QĐ/UBND<br>ngày 9/4/2025             | 590,72   | 568,00   |  |  |  |  |  | 22,72  | 590,72   | 568,00   |  |  |  |  |  | 22,72  | UBND huyện Khang | UBND xã Khang |
| 2 | Đường ra khu sản xuất Thôn 1<br>(Làng Cam) | Quyết định<br>22/QĐ-UBND<br>ngày 11/3/2025 | 1.601,10 | 1.489,00 |  |  |  |  |  | 112,10 | 1.601,10 | 1.489,00 |  |  |  |  |  | 112,10 | UBND huyện Khang | UBND xã Khang |

PHU LUC 2

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang)

| TT | Danh mục dự án   | Địa điểm xây dựng (tên thôn/làng/...) | Thời gian khởi công - hoàn thành | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Quyết định đầu tư hoặc dự toán |                                |   | Kế hoạch năm 2025        |                    | Ghi chú |
|----|--|---------------------------------------|----------------------------------|--|--------------------------------|--------------------------------|---|--------------------------|--------------------|---------|
|    |  |                                       |                                  |  | Tổng các nguồn vốn             | Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán  |   | Vốn ngân sách trung ương | Vốn ngân sách tỉnh |         |
|    |  |                                       |                                  |  |                                | Vốn ngân sách trung ương, tỉnh | Trong đó: vốn ngân sách cấp xã, vốn huy động bên ngoài khác |                          |                    |         |
|    | TỔNG CỘNG  |                                       |                                  |  | 7.050,00                       | 6.151,00                       | 899,00  | -                        | 6.151,00           |         |
|    | Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐTTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)<br><b>Tiêu chí: Giao thông</b>  |                                       |                                  |  | 7.050,00                       | 6.151,00                       | 899,00  | -                        | 6.151,00           |         |
| 1  | Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất bà viên đến KSX làng Lợk)   | Thôn 15                               | 2025                             |  | 1.150,0                        | 995,00                         | 155   |                          | 995,00             |         |
| 2  | Đường nội đồng Thôn 15 (đoạn đất ông Đình Giáp đến đất toàn chung và đoạn 2 đầu BTXM)  | Thôn 15                               | 2025                             |  | 900,0                          | 776,00                         | 124   |                          | 776,00             |         |
| 3  | Đường nội đồng Thôn 14 (đoạn đất ông Trường đến đất thảng Dung)  | Thôn 14                               | 2025                             |  | 1.800,0                        | 1.580,00                       | 220   |                          | 1.580,00           |         |
| 4  | Đường đi Khu san xuất Đăm Đak Y Nao (đoạn 1: đất ông Lịch đến đất ông Nam Dâng; đoạn 2: đất ông Trung Anh đến đất Hoà Chiến; Đoạn 3: đất ông Sơn đến đất ông Minh; đoạn 4: đất ông Minh Đào đến đất Huy Ý; đoạn 5: đất ông Hải Trang đến suối) | Làng Hợp                              | 2025                             |  | 3.200                          | 2.800,00                       | 400   |                          | 2.800,00           |         |

*Phu*